

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày 24-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm:

Ông Kim Ngọc Châu

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Minh H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1999 tại Trà Vinh; nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê – công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn L, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1975; chưa có vợ và chưa có con; tiền sự: không có; tiền án: không có; nhân thân: tốt; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 3 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. (Bị cáo có mặt)

- ***Bị hại:*** Bà Võ Thị Thủy T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- ***Người đại diện hợp pháp của bị hại:*** Bà Lâm Thanh H, sinh năm 1964 nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019, đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lê Minh H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08 tháng 3 năm 2019, Lê Minh H đến phòng tiếp dân thuộc bộ phận Hộ tịch – tư pháp của Trụ sở UBND xã H để công chứng giấy tờ, trong lúc ngồi chờ thì H nhìn thấy điện thoại di động của bà T để lên bàn làm việc của cán bộ tên S cách chỗ Hải ngồi khoảng 1,5m không có người quản lý nên H nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại này để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, H quan sát thấy mọi người lo tập trung làm việc, không ai để ý nên H đã lén lút lấy điện thoại của bà T rồi cất giấu trong túi quần phía sau bên phải.

Sau đó H quay lại chỗ ngồi khoảng 10 phút thì H nhận kết quả công chứng rồi đi về nhà. Bà T sau khi phô tờ xong giấy tờ thì quay lại chỗ để điện thoại và phát hiện điện thoại bị mất nên bà T đến trình báo Công an xã H. Sau đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C mời H làm việc và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 36, ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, Model A1522FCCID, BCG-E2817A, IC-579C-E2817A, IMEI: 354 389 067 788 546 đã qua sử dụng, có giá 6.000.000đ.

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo, không truy tố bổ sung. Phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ, vật chứng, tình tiết, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng; Về trách nhiệm dân sự đề nghị không giải quyết do bị hại đã nhận tại tài sản và không yêu cầu; Về tang vật đề nghị không giải quyết do tài sản đã trả cho bị hại nhận xong và không yêu cầu; Về án phí đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lê Minh H khai ở giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại gì, thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố và khai nhận vào khoảng 09 giờ ngày 08 tháng 3 năm 2019, trong lúc ngồi chờ tại trụ sở UBND xã H để làm giấy tờ cho người cô, bị cáo nhìn thấy 01 người phụ nữ (bà T) để điện thoại lên bàn làm việc phía sau máy tính trong làm việc tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, khoảng 30 phút sau không thấy người phụ nữ đó (bà T) quay lại lấy điện thoại nên bị cáo nghĩ là người đó đã bỏ quên, nên bị cáo lợi dụng mọi người trong phòng lo làm việc, không ai để ý đến điện thoại di động, bị cáo đã lén lút lấy điện thoại rồi cất giấu trong túi quần sau bên phải rồi quay lại chỗ ngồi tiếp. Sau khi nhận giấy tờ xong bị cáo đi về, trên đường về nhà bị cáo dừng xe bên đường để tắt nguồn điện thoại và tháo sim ra bỏ rồi đi về nhà tiếp, mục đích bị cáo tắt nguồn, tháo sim là do sợ chủ sở hữu điện thoại gọi. Bị cáo khai biết việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do lúc đó bị cáo suy nghĩ là lấy điện thoại đem bán để lấy tiền chi tiêu do đang chưa có việc làm, lời nói sau cùng bị cáo cam kết không vi phạm nữa và yêu cầu Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục đi làm, bị cáo đang làm công nhân tại 01 Công ty của Hàn Quốc đóng trụ sở tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận giám định tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo được thể hiện: khoảng 09 giờ ngày 08 tháng 3 năm 2019 bị cáo thừa nhận đã lợi dụng không người nào để ý đến tài sản là 01 điện thoại di động (hiệu Iphone 6 Plus) để trên bàn phía sau máy tính trong phòng làm việc tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã H nên bị cáo đã lén lút lấy cất giấu trong túi quần bên phải rồi đi về, trên đường về nhà bị cáo tắt nguồn điện thoại và tháo sim ra bỏ rồi đi về nhà tiếp. Qua đó Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, các hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố đều đúng quy định của pháp luật, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Xét về định lượng tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản số 36, ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus có giá trị bằng 6.000.000đ, bị cáo không có yêu cầu thẩm định giá tài sản lại. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và hành vi của bị cáo tuy là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, vì động cơ tư lợi, lợi dụng tài sản của người khác không có người trông coi nên chiếm đoạt bằng hành vi lén lút.

[3] Xét về phần luận tội của Kiểm sát viên về hình phạt và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy phần luận tội này là phù hợp và có căn cứ. Song song đó bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và nơi làm việc ổn định. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Từ đó có căn cứ quyết định áp dụng hình phạt như mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, bà T là bị hại do bà H đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của đương sự và sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo, nên có cơ sở xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về tang vật gồm có 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus, Model A1522FCCID, BCG-E2817A, IC-579C-E2817A, IMEI: 354 389 067 788 546 đã qua sử dụng của bị hại đã được trả lại cho chủ sở hữu theo quyết định xử lý vật chứng số 33, ngày 21 tháng 3 năm 2019 và biên bản trả lại đồ vật ngày 22 tháng 3 năm 2019 nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Có căn cứ áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 65 và điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Minh H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú (Ủy ban nhân dân xã An H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú (Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về tang vật: Không giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Minh H nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh TV;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga**